

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí IDICO Long Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4903000409 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2007. Sau khi chuyển trụ sở làm việc từ Thành phố Vũng Tàu lên Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2011 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 07 năm 2011 và thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 9 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: PXL

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch
	Ông Trần Mạnh Dũng	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Thúc	Thành viên
	Ông Phạm Quy Nhơn	Thành viên
	Ông Phạm Tất Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16/06/2012)
	Ông Hoàng Bình Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16/06/2012)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Trần Mạnh Dũng	Giám đốc
	Ông Phạm Việt Bằng	Phó Giám đốc
	Ông Hoàng Bình Trung	Phó Giám đốc
	Ông Lê Chuyên	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Mạnh Dũng
Giám đốc

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Số. 185/2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012

của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (gọi tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 05 tháng 3 năm 2012 có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế trong xử lý kế toán

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, Công ty đã thực hiện việc đánh giá giảm giá đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (Mã chứng khoán là PSG) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với số tiền là 3.900.000.000 đồng. Tuy nhiên, thay vì hạch toán vào chi phí tài chính với số tiền tương ứng, Công ty đã sử dụng quỹ Dự phòng tài chính để bù đắp khoản giảm giá chứng khoán nêu trên theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 85 ngày 27 tháng 12 năm 2012. Việc ghi nhận như trên, sẽ làm cho kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 tăng lãi lên một khoản tương ứng.

Tại ngày 31/12/2012, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nội ngoại thất Dầu khí do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO nắm giữ đang còn trong thời gian hạn chế chuyển nhượng do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO là cổ đông sáng lập và cổ phiếu sẽ được giao dịch trong năm 2013. Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện việc đánh giá và trích lập dự phòng của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nội ngoại thất Dầu khí. Nếu thực hiện việc đánh giá và trích lập dự phòng thì khoản chi phí dự phòng đầu tư cần trích lập là 5.639.370.396 đồng. Theo đó, kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận chưa phân phối lũy kế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ ảnh hưởng theo một khoản tương ứng.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại phần Hạn chế trong xử lý kế toán, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Tiên Trình
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1806/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		555.750.785.986	553.106.695.187
(100) = 110+120+130+140+150				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	48.390.481.982	13.493.094.469
1. Tiền	111		290.481.982	743.094.469
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.100.000.000	12.750.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		426.347.811.357	449.987.392.423
1. Phải thu khách hàng	131		8.857.396.640	58.009.003.611
2. Trả trước cho người bán	132		1.196.798.933	1.157.391.023
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	416.293.615.784	390.820.997.789
IV- Hàng tồn kho	140		80.058.152.940	89.045.961.334
1. Hàng tồn kho	141	5.3	80.058.152.940	89.045.961.334
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		954.339.707	580.246.961
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		500.000.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		280.841.414	238.926.519
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		3.782.109	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	169.716.184	341.320.442
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		422.316.673.878	439.945.922.159
(200 = 210+220+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		48.825.000.000	48.825.000.000
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.5	48.825.000.000	48.825.000.000
II Tài sản cố định	220		18.450.083.265	19.223.319.254
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	900.083.265	1.665.485.124
- Nguyên giá	222		2.507.610.092	3.474.189.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.607.526.827)	(1.808.704.423)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	7.834.130
- Nguyên giá	228		41.782.000	41.782.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.782.000)	(33.947.870)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	17.550.000.000	17.550.000.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		338.887.391.454	353.356.783.331
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	215.515.000.000	215.515.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	147.882.391.454	147.882.391.454
4. Dự phòng giảm giá ĐTTC dài hạn	259	5.11	(24.510.000.000)	(10.040.608.123)
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.154.199.159	18.540.819.574
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	16.154.199.159	18.540.819.574
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		978.067.459.864	993.052.617.346
(270 = 100+200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		136.322.767.053	147.245.610.765
I- Nợ ngắn hạn	310		136.264.781.603	129.066.845.315
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	101.620.000.000	101.620.000.000
2. Phải trả người bán	312		274.238.403	433.536.671
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	2.954.632.581	3.567.448.608
6. Chi phí phải trả	316		531.472.206	583.621.618
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	5.15	29.643.329.175	21.764.414.232
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.165.606.290	770.420.024
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		75.502.948	327.404.162
II- Nợ dài hạn	330		57.985.450	18.178.765.450
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.16	-	18.118.600.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		57.985.450	60.165.450
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		841.744.692.811	845.807.006.581
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	841.744.692.811	845.807.006.581
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		827.222.120.000	827.222.120.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		(963.047.282)	(952.954.300)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.938.524.280	2.818.906.337
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.335.613.947	7.205.996.004
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		949.808.972	390.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.261.672.894	9.122.938.540
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		978.067.459.864	993.052.617.346

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Kim Anh



Phạm Quang Tùng



Trần Mạnh Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	80.029.990.674	176.495.467.626
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	80.029.990.674	176.495.467.626
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	75.629.725.078	167.907.955.635
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		4.400.265.596	8.587.511.991
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	21.126.335.506	27.952.282.223
7. Chi phí tài chính	22	5.21	19.176.276.550	18.109.092.012
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.612.351.601	8.063.203.889
8. Chi phí bán hàng	24	5.22	413.841.872	1.235.301.483
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	9.933.127.631	14.600.531.309
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(3.996.644.951)	2.594.869.410
11. Thu nhập khác	31	5.24	4.783.745.169	9.465.943.411
12. Chi phí khác	32	5.24	600.440.620	231.734.527
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		4.183.304.549	9.234.208.884
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		186.659.598	11.829.078.294
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	-	1.835.402.197
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		186.659.598	9.993.676.097
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	2,3	110

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Kim Anh



Phạm Quang Tùng



Trần Mạnh Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	186.659.598	11.829.078.294
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	442.419.121	731.369.646
- Các khoản dự phòng	03	10.479.391.877	10.040.608.123
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(440.514)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(21.500.008.974)	(10.800.000)
- Chi phí lãi vay	06	8.612.351.601	8.063.203.889
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.779.186.777)	30.653.019.438
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	27.898.969.057	(53.272.366.449)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.987.808.394	(29.260.237.987)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(16.597.703.361)	41.229.191.030
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.886.620.415	2.755.867.223
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(3.087.415.833)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.685.059.338)	(2.669.966.718)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(510.874.582)	(1.283.010.726)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20	18.200.573.808	(14.934.920.022)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(35.509.664)	(74.713.520.213,00)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	740.000.000	10.800.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.583.480.737)	(32.744.755.041)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	16.333.446.193
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	20.576.335.506	2.721.638.741
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.697.345.105	(88.392.390.320)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(952.954.300)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.000.531.400)	(33.685.139.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.000.531.400)	(34.638.093.425)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	34.897.387.513	(137.965.403.767)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.493.094.469	151.458.057.722
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	440.514
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	48.390.481.982	13.493.094.469

Người lập biểu



Lê Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Phạm Quang Tùng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Giám đốc



Trần Mạnh Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí IDICO Long Sơn được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4903000409 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2007. Sau khi chuyển trụ sở làm việc từ Thành phố Vũng Tàu lên Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2011 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 07 năm 2011 và thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 9 năm 2011.

Sở hữu vốn:

Đối tượng góp vốn	Vốn theo đăng ký kinh doanh VND	Số đã thực góp đến 31/12/2012 VND	Tỷ lệ đã góp (%)	Cổ phần
I. Cổ đông sáng lập				
1 Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	132.360.050.000	132.360.050.000	16%	13.236.005
2 Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO)	70.641.030.000	70.641.030.000	9%	7.064.103
II. Các cổ đông khác	624.221.040.000	624.221.040.000	75%	62.422.104
Tổng	827.222.120.000	827.222.120.000	100%	82.722.212

Địa chỉ đăng ký: Lầu 3, Tòa nhà Khang Thông, Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình công nghiệp; Công trình giao thông (cầu, đường, cống); Xây dựng công trình thủy lợi; Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước; Xây dựng công trình đường ống cấp - thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế; Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, dầu khí, khai khoáng, lâm nghiệp, nông nghiệp và xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh vật liệu xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong Báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 tại Thuyết minh số 6.2.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Công ty không có đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” liên quan đến các nghiệp vụ ngoại tệ như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu phải trả có gốc ngoại tệ cuối niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Thiết bị văn phòng	03
Phương tiện vận tải	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các công ty liên kết và liên doanh

Các công ty liên kết là các công ty mà Công ty có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể nhưng không nắm quyền kiểm soát, thông thường Công ty nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết.

Công ty liên doanh là hợp đồng liên doanh trong đó Công ty và các đối tác khác thực hiện các hoạt động kinh tế trên cơ sở thiết lập quyền kiểm soát chung.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước chi phí thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê Lầu 3 Tòa nhà Khang Thông tại địa chỉ Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian thuê 10 năm (15/5/2010 đến 14/5/2020) đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Trong năm hoạt động, không có chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Điều chỉnh hồi tố

Trong năm 2012, Công ty đã xem xét lại bản chất của một số nghiệp vụ liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh để đầu tư các dự án, cho vay vốn, lãi vay trích lập... để trình bày vào các chỉ tiêu phù hợp trên Báo cáo tài chính năm 2012 và thực hiện trình bày lại một số chỉ tiêu đầu kỳ tương ứng của Báo cáo tài chính năm 2012. Cụ thể như sau:

Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011

TÀI SẢN	MS	Sau điều chỉnh VND	Trước điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	743.094.469	771.624.478	(28.530.009)
1. Tiền	111	743.094.469	771.624.478	(28.530.009) {1}
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	-	164.269.958.186	(164.269.958.186) {3}
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	391.978.388.812	156.928.036.769	235.050.352.043
2. Trả trước cho người bán	132	1.157.391.023	40.992.632.793	(39.835.241.770) {1}
5. Các khoản phải thu khác	135	390.820.997.789	115.935.403.976	274.885.593.813 {1}/{3}
IV- Hàng tồn kho	140	89.045.961.334	159.794.567.336	(70.748.606.002)
1. Hàng tồn kho	141	89.045.961.334	159.794.567.336	(70.748.606.002) {1}
V- Tài sản ngắn hạn khác	150	238.926.519	246.621.519	(7.695.000)
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	238.926.519	246.621.519	(7.695.000) {1}
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200			
(200 = 210+220+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	48.825.000.000	-	48.825.000.000 {2}
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	-	48.825.000.000	(48.825.000.000) {2}
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	482.006.371.134	317.740.850.102	(4.437.154)

{1}: Công ty cho bên đối tác cùng đầu tư vào Dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát vay, khoản cho vay đã được trình bày tương ứng trên các chỉ tiêu "Ứng trước cho người bán; Hàng tồn kho; Các khoản phải thu khác". Công ty xác định lại đây là khoản cho bên đối tác vay, nên trình bày lại tổng số tiền cho vay còn phải thu trên chỉ tiêu "Các khoản phải thu khác".

{2} Đây là khoản đầu tư dự án Khu nhà ở thương mại Tương Bình Hiệp với số vốn là 48.825.000.000 đồng giữa ba bên Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô thị Dầu khí. Các bên thỏa thuận phương thức hợp tác là cùng góp vốn, cùng hợp tác thực hiện và cùng phân chia lợi nhuận, rủi ro theo tỷ lệ góp vốn mà không thành lập pháp nhân. Theo đó, khoản tiền chuyển cho Ban quản lý dự án cần ghi nhận như một khoản phải thu dài hạn khác, thay vì là khoản đầu tư dài hạn khác.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Điều chỉnh hồi tố (Tiếp)

{3} Đây là khoản đầu tư dự án là các Chung cư Thái An 3&4; Chung cư Khang Gia; Dự án KDC Nam Long, Long An, Công ty đã hợp tác góp vốn với các đối tác để thực hiện các dự án trên. Hoạt động đầu tư này không hình thành cơ sở đồng kiểm soát nên cần ghi nhận như một khoản phải thu khác, thay vì ghi nhận như một khoản đầu tư ngắn hạn.

NGUỒN VỐN	MS	Sau điều chỉnh VND	Trước điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300			
I- Nợ ngắn hạn	310	21.764.414.232	20.161.076.454	1.198.066.179
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	3.567.448.608	3.972.720.207	(405.271.599) {4}
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	21.764.414.232	20.161.076.454	1.603.337.778 {4}
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			
I- Vốn chủ sở hữu	410	9.122.938.540	10.325.441.873	(1.202.503.333)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	9.122.938.540	10.325.441.873	(1.202.503.333) {4}
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	30.887.352.772	30.486.518.327	(4.437.154)

{4}: Trích bổ sung lãi vay năm 2011 phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Sau điều chỉnh VND	Trước điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	82.707.571	82.722.212	(14.641) {1}
Lợi nhuận sau thuế	9.993.676.097	11.196.179.430	(1.202.503.333)
Trích lập quỹ khen thưởng/phúc lợi	870.737.557	870.737.557	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	110	125	(14,52)

{1}: Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, Công ty không thực hiện loại trừ cổ phiếu quỹ khi xác định số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	MS	Sau điều chỉnh VND	Trước điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Chi phí lãi vay	06	8.063.203.889	6.459.866.111	1.603.337.778 {1}
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08			
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(53.272.366.449)	(53.243.836.440)	(28.530.009)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20	(45.209.162.560)	(46.783.970.329)	1.574.807.769

{1}: Tại ngày 31/12/2011, Công ty chưa thực hiện việc trích trước chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam từ ngày 21/10/2011 đến ngày 31/12/2011 cho khoản nhận chuyển nhượng vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	54.672.377	324.008.677
Tiền gửi ngân hàng	235.809.605	419.085.792
Các khoản tương đương tiền	48.100.000.000	12.750.000.000
Tổng	48.390.481.982	13.493.094.469

Các khoản tương đương tiền trình bày các khoản tiền ký quỹ tại các ngân hàng thương mại.

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty cùng góp vốn vay để đầu tư vào dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát	142.728.280.365	110.615.635.627
Phải thu tiền cổ tức	2.210.534.245	1.660.534.245
Phải thu từ chuyển nhượng vốn, cổ phần của Công ty CP Tổng Công ty xây dựng Dầu khí Nghệ An (*)	111.668.396.111	111.668.396.111
Phải thu khoản phân chia lợi nhuận bán căn hộ	5.256.100.156	1.965.967.090
Đầu tư các dự án không hình thành cơ sở đồng kiểm soát (**)	153.044.962.319	164.269.958.186
Phải thu khác	1.385.342.588	640.506.530
Tổng	416.293.615.784	390.820.997.789

(*) Là khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu Khí Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An) liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Dầu Khí 12.9 số 29/HĐCN/PIVLS-PNC ký ngày 19/04/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO và Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu Khí Nghệ An với số tiền gốc là 104.920.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán phát sinh là 6.748.396.111 đồng. Theo phụ lục số 05/PLHĐ/PVC IDICO-PVNC ngày 31/12/2012, khoản công nợ này sẽ được thu hồi ngày 30/06/2013.

(**) Công ty phối hợp cùng với các đối tác thực hiện đầu tư các dự án chung cư và không hình thành nên cơ sở đồng kiểm soát.

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án chung cư Thái An 3&4	51.139.345.806	61.541.219.303
Dự án chung cư Khang Gia - Lucky Apartment	19.971.514.282	35.077.220.391
Dự án chung cư Khang Gia - Gò Vấp	64.138.545.462	46.613.900.788
Dự án KDC Nam Long, Long An	17.795.556.769	21.037.617.704
Tổng	153.044.962.319	164.269.958.186

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	73.215.304.778	82.203.113.172
Hàng hóa bất động sản	6.842.848.162	6.842.848.162
Tổng	80.058.152.940	89.045.961.334

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	162.951.640	339.522.241
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.764.544	1.798.201
Tổng	169.716.184	341.320.442

5.5 Phải thu dài hạn khác

Nghị quyết số 115/NQ-HDQT ngày 27/9/2010 của Hội đồng quản trị về việc hợp tác đầu tư dự án Khu nhà ở thương mại Tương Bình Hiệp với số vốn là 48.825.000.000 đồng. Hợp đồng hợp tác số 174/2010/HĐHTĐT ngày 27/9/2010 về việc hợp tác với chủ đầu tư để hoàn thiện thủ tục, hồ sơ pháp lý và triển khai thực hiện Dự án Khu nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp thị xã Thủ Dầu một, Tỉnh Bình Dương giữa ba bên Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Dầu khí Sông Hồng và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô thị Dầu khí. Các bên thỏa thuận phương thức hợp tác là cùng góp vốn, cùng hợp tác thực hiện và cùng phân chia lợi nhuận, rủi ro theo tỷ lệ góp vốn mà không thành lập pháp nhân.

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2012	3.106.566.515	367.623.032	3.474.189.547
Tăng trong năm	35.509.664	-	35.509.664
Mua trong năm	35.509.664	-	35.509.664
Giảm trong năm	1.002.089.119	-	1.002.089.119
Thanh lý, nhượng bán	1.002.089.119	-	1.002.089.119
Số dư tại 31/12/2012	2.139.987.060	367.623.032	2.507.610.092
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2012	1.564.696.821	244.007.602	1.808.704.423
Tăng trong năm	363.602.291	70.982.700	434.584.991
Khấu hao trong năm	363.602.291	70.982.700	434.584.991
Giảm trong năm	635.762.587	-	635.762.587
Thanh lý, nhượng bán	635.762.587	-	635.762.587
Số dư tại 31/12/2012	1.292.536.525	314.990.302	1.607.526.827
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2012	1.541.869.694	123.615.430	1.665.485.124
Tại 31/12/2012	847.450.535	52.632.730	900.083.265

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư tại 01/01/2012	41.782.000
Tăng trong năm	-
Giảm trong năm	-
Số dư tại 31/12/2012	41.782.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư tại 01/01/2012	33.947.870
Tăng trong năm	7.834.130
Khấu hao trong năm	7.834.130
Giảm trong năm	-
Số dư tại 31/12/2012	41.782.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại 01/01/2012	7.834.130
Tại 31/12/2012	-

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án khách sạn Dầu khí Kinh Bắc	17.550.000.000	17.550.000.000
Tổng	17.550.000.000	17.550.000.000

5.9 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.000.000.000	14.000.000.000
Công ty CP ĐT và Xây dựng Dầu khí Phú đạt	201.515.000.000	201.515.000.000
Tổng	215.515.000.000	215.515.000.000

Chi tiết đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đầu tư vào	Vốn điều lệ/ mức đầu tư	Vốn Công ty	Tỷ lệ sở	Công ty đã góp
Công ty liên kết	VND	đăng ký góp	hữu vốn	đến 31/12/2012
		VND		VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	70.000.000.000	14.000.000.000	20%	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú đạt	430.000.000.000	201.515.000.000	47%	201.515.000.000
Tổng	500.000.000.000	215.515.000.000		215.515.000.000

Đầu tư vào	Mệnh giá	Số cổ phiếu	Ngành nghề
Công ty liên kết	VND		kinh doanh
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.000	1.400.000	Bán buôn cửa nhựa, cửa nhựa lõi sắt, bán đồ điện
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú đạt	10.000	20.151.500	Dịch vụ tư vấn bất động sản
Tổng		21.551.500	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	28.500.000.000	28.500.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Dak Mi 4	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	28.382.391.454	28.382.391.454
Tổng	147.882.391.454	147.882.391.454

Chi tiết đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác	Vốn điều lệ/ mức đầu tư VND	Vốn Công ty đăng ký góp VND	Tỷ lệ sở hữu vốn	Công ty đã góp đến 31/12/2012 VND
Đầu tư góp vốn kinh doanh	1.660.000.000.000	147.882.390.000		147.882.391.454
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	350.000.000.000	28.500.000.000	8,14%	28.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	150.000.000.000	11.000.000.000	7,33%	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Dak Mi 4	1.000.000.000.000	80.000.000.000	8,00%	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	160.000.000.000	28.382.390.000	17,74%	28.382.391.454
Tổng	1.660.000.000.000	147.882.390.000		147.882.391.454

Đầu tư dài hạn khác	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Ngành nghề kinh doanh
Đầu tư góp vốn kinh doanh			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	10.000	2.850.000	Xây dựng nhà các loại, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	10.000	1.100.000	Xây dựng công trình dầu khí dân dụng
Công ty Cổ phần Thủy Điện Dak Mi 4	10.000	8.000.000	Sản xuất truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	10.000	2.838.239	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng.
Tổng		14.788.239	

5.11 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	24.510.000.000	8.692.500.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	-	1.348.108.123
Tổng	24.510.000.000	10.040.608.123

5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	18.540.819.574
Tăng	12.455.000
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.399.075.415
Tại ngày 31 tháng 12	16.154.199.159

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ IDICO

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Chi phí trả trước dài hạn (Tiếp theo)*Chi tiết theo khoản mục chi phí*

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	16.139.257.365	18.327.631.245
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.941.794	213.188.329
Tổng	16.154.199.159	18.540.819.574

Chi phí thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê Lầu 3 Tòa nhà Khang Thông tại địa chỉ Số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian thuê 10 năm (15/5/2010 đến 14/5/2020) đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

5.13 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
1. Vay cá nhân và tổ chức	101.620.000.000	101.620.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	101.620.000.000	101.620.000.000
Tổng	101.620.000.000	101.620.000.000

Hợp đồng vay Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam để thanh toán tiền mua cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Dầu Khí Phú Đạt. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi tiền vay với lãi suất 8%/năm.

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.115.147.049	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.839.485.532	3.524.544.870
Thuế thu nhập cá nhân	-	42.903.738
Tổng	2.954.632.581	3.567.448.608

5.15 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	51.726.422	17.013.364
Bảo hiểm xã hội	14.473.441	17.542.671
Bảo hiểm y tế	6.295.493	6.295.493
Bảo hiểm thất nghiệp	2.624.292	2.624.292
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.568.209.527	21.720.938.412
Tổng	29.643.329.175	21.764.414.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cổ tức các cổ đông khác	12.642.540.487	13.643.071.887
Lãi vay ngắn hạn phải trả cho	16.675.555.490	8.063.203.889
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam		
Phải trả khác	250.113.550	14.662.636
Tổng	29.568.209.527	21.720.938.412

5.16 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	-	18.118.600.000
Tổng	-	18.118.600.000

Trong quá trình triển khai Dự án khu công nghiệp Long Sơn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO có nhận ký quỹ, ký cược dài hạn một số tiền của Công ty Hóa dầu Long Sơn để thực hiện dự án. Tại ngày 31/12/2012, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO và Công ty Hóa dầu Long Sơn đã tất toán khoản ký quỹ nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ IDICO
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.17 Vốn chủ sở hữu

a - Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	Số dư tại 01/01/2011	827.222.120.000	-	2.818.906.337	7.205.996.004	390.000.000	37.637.268.569	875.274.290.910
Tăng trong năm		-	(952.954.300)	-	-	-	11.196.179.430	10.243.225.130
Lãi		-	-	-	-	-	11.196.179.430	11.196.179.430
Mua cổ phiếu quỹ		-	(952.954.300)	-	-	-	-	(952.954.300)
Giảm trong năm		-	-	-	-	-	39.710.509.459	39.710.509.459
Phân phối lợi nhuận		-	-	-	-	-	683.010.726	683.010.726
Cổ tức		-	-	-	-	-	37.224.995.400	37.224.995.400
Điều chỉnh hồi tố		-	-	-	-	-	1.202.503.333	1.202.503.333
Giảm khác		-	-	-	-	-	600.000.000	600.000.000
Số dư tại 31/12/2011		827.222.120.000	(952.954.300)	2.818.906.337	7.205.996.004	390.000.000	9.122.938.540	845.807.006.581
Số dư tại 01/01/2012		827.222.120.000	(952.954.300)	2.818.906.337	7.205.996.004	390.000.000	9.122.938.540	845.807.006.581
Tăng trong năm		-	(10.092.982)	1.119.617.943	1.119.617.943	559.808.972	186.659.598	2.975.611.474
Lãi		-	-	-	-	-	186.659.598	186.659.598
Phân phối lợi nhuận		-	-	1.119.617.943	1.119.617.943	559.808.972	-	2.799.044.858
Tăng khác		-	(10.092.982)	-	-	-	-	(10.092.982)
Giảm trong năm		-	-	-	3.990.000.000	-	3.047.925.244	7.037.925.244
Phân phối lợi nhuận		-	-	-	-	-	3.047.925.244	3.047.925.244
Giảm khác		-	-	-	3.990.000.000	-	-	3.990.000.000
Số dư tại 31/12/2012		827.222.120.000	(963.047.282)	3.938.524.280	4.335.613.947	949.808.972	6.261.672.894	841.744.692.811

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng góp vốn		Vốn theo đăng ký kinh doanh VND	Số đã thực góp đến 31/12/2012 VND	Tỷ lệ đã góp (%)	Cổ phần
I. Cổ đông sáng lập					
1	Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	132.360.050.000	132.360.050.000	16%	13.236.005
2	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO)	70.641.030.000	70.641.030.000	9%	7.064.103
II. Các cổ đông khác		624.221.040.000	624.221.040.000	75%	62.422.104
Tổng		827.222.120.000	827.222.120.000	100%	82.722.212

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	827.222.120.000	827.222.120.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	827.222.120.000	827.222.120.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	37.224.995.400

d. Cổ phiếu

	31/12/2012 CP	01/01/2012 CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.722.212	82.722.212
Cổ phiếu phổ thông	82.722.212	82.722.212
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	221.800	221.800
Cổ phiếu phổ thông	221.800	221.800
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.500.412	82.500.412
Cổ phiếu phổ thông	82.500.412	82.500.412
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

5.18 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng	79.902.899.765	176.380.922.172
Doanh thu cung cấp dịch vụ	127.090.909	114.545.454
Tổng	80.029.990.674	176.495.467.626

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	75.629.725.078	167.907.955.635
Tổng	75.629.725.078	167.907.955.635

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.302.442.926	21.849.734.377
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.823.892.580	4.469.916.202
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	440.514
Lãi bán hàng trả chậm	-	1.632.191.130
Tổng	21.126.335.506	27.952.282.223

5.21 Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	8.612.351.601	8.063.203.889
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	20.053.096	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63.498.449	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	10.479.391.877	10.040.608.123
Chi phí hoạt động tài chính khác	981.527	5.280.000
Tổng	19.176.276.550	18.109.092.012

5.22 Chi phí bán hàng

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	347.306.344	996.971.063
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.190.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.101.528	238.330.420
Chi phí bằng tiền khác	244.000	-
Tổng	413.841.872	1.235.301.483

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.568.162.122	7.177.254.462
Chi phí vật liệu quản lý	37.149.089	118.342.841
Chi phí đồ dùng văn phòng	129.209.725	605.962.913
Chi phí khấu hao TSCĐ	289.082.289	729.264.178
Thuế, phí và lệ phí	28.780.574	129.469.361
Chi phí dự phòng	-	63.763.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.880.038.156	3.682.303.980
Chi phí bằng tiền khác	2.000.705.676	2.094.170.374
Tổng	9.933.127.631	14.600.531.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.24 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác		
Thu từ nhượng bán tài sản	740.000.000	10.800.000
Thu nhập từ chi phí quá khứ liên quan đến dự án Tổ hợp hóa dầu Miền Nam của Cty TNHH Hóa dầu Long Sơn	3.846.888.247	9.355.127.579
Thu nhập khác	196.856.922	100.015.832
Tổng	4.783.745.169	9.465.943.411
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý và nhượng bán tài sản	366.326.532	2.105.468
Chi phí khác	234.114.088	229.629.059
Tổng	600.440.620	231.734.527
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	4.183.304.549	9.234.208.884

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán	186.659.598	11.829.078.294
Các khoản điều chỉnh tăng	798.331.940	826.018.747
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	798.331.940	826.018.747
Các khoản điều chỉnh giảm	1.823.892.580	4.469.916.202
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	1.823.892.580	4.469.916.202
Thu nhập chịu thuế	(838.901.042)	8.185.180.839
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	25%	25%
<i>Thuế TNDN phải nộp</i>	-	2.046.295.210
<i>Thuế TNDN được miễn giảm</i>	-	210.893.013
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.835.402.197

5.26 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	186.659.598	9.993.676.097
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	870.737.557
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	186.659.598	9.122.938.540
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	82.500.412	82.707.571
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2,3	110

5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.629.725.078	167.907.955.635
Chi phí nhân công	5.915.468.466	8.174.225.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.082.289	729.264.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.880.038.156	3.682.303.980
Chi phí khác bằng tiền	2.196.089.064	3.011.708.689
Tổng	85.910.403.053	183.505.458.007

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND
HDQT, BGD và Ban kiểm soát	Lương	2.103.403.264
	Các khoản khác	72.000.000
Tổng		2.175.403.264

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung	Năm 2012 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Lãi vay	8.612.351.601
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - CN Vũng Tàu	Gửi tiền có kỳ hạn	25.533.012.120
	Lãi tiền gửi	538.861.704
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	Cho thuê xe	49.000.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<u>Phải thu khách hàng</u>			
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)		91.000.000	42.000.000
Tổng		91.000.000	42.000.000
<u>Ứng trước cho nhà cung cấp</u>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Lắp dầu Khí Sài Gòn		1.559.361	1.559.361
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO)		875.589.572	875.589.572
Tổng		877.148.933	877.148.933

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2012</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2012</u> <u>VND</u>
<u>Phải thu khác</u>			
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)		987.000.000	987.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc		1.223.534.245	673.534.245
Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An		111.668.396.111	111.668.396.111
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam - CN Vũng Tàu		435.750.000	-
Tổng		114.314.680.356	113.328.930.356
<u>Phải trả khác</u>			
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		16.675.555.490	8.063.203.889
Tổng		16.675.555.490	8.063.203.889
<u>Vay ngắn hạn</u>			
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		101.620.000.000	101.620.000.000
Tổng		101.620.000.000	101.620.000.000

6.2 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính (Tiếp)**

	Giá trị còn lại 31/12/2012 VND	Giá trị còn lại 01/01/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.390.481.982	13.493.094.469
Các khoản đầu tư	123.372.391.454	137.841.783.331
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	425.151.012.424	448.830.001.400
Tổng cộng	596.913.885.860	600.164.879.200
Công nợ tài chính		
Phải trả khách hàng, phải trả nội bộ và phải trả khác	29.917.567.578	40.316.550.903
Chi phí phải trả	531.472.206	583.621.618
Khoản vay	101.620.000.000	101.620.000.000
Tổng cộng	132.069.039.784	142.520.172.521

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khác. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khác như trình bày tại Thuyết minh số 5.2.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro tín dụng (Tiếp)**

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2012			
Tiền và tương đương tiền	48.390.481.982	-	48.390.481.982
Đầu tư tài chính ngắn, dài hạn	-	123.372.391.454	123.372.391.454
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	425.151.012.424	-	425.151.012.424
			596.913.885.860
01/01/2012			
Tiền và tương đương tiền	13.493.094.469	-	13.493.094.469
Đầu tư tài chính ngắn, dài hạn	-	137.841.783.331	137.841.783.331
Phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác	448.830.001.400	-	448.830.001.400
			600.164.879.200
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2012			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	29.917.567.578	-	29.917.567.578
Chi phí phải trả	531.472.206	-	531.472.206
Các khoản vay	101.620.000.000	-	101.620.000.000
			132.069.039.784
01/01/2012			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	40.316.550.903	-	40.316.550.903
Chi phí phải trả	583.621.618	-	583.621.618
Các khoản vay	101.620.000.000	-	101.620.000.000
			142.520.172.521

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.3 Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Kim Anh



Phạm Quang Tùng



Trần Mạnh Dũng